|  |
| --- |
| **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020-2021****MÔN: SINH HỌC, LỚP 12****Thời gian làm bài: 45 phút**  |

**Câu 1:** Nghiên cứu sự thay đổi thành phần kiểu gen ở một quần thể qua 5 thế hệ liên tiếp được kết quả như sau



Quần thể chịu tác động của các nhân tố nào sau đây?

 **A.**  Đột biến gen và chọn lọc tự nhiên.

 **B.**  Các yếu tố ngẫu nhiên và giao phối không ngẫu nhiên.

 **C.**  Chọn lọc tự nhiên và các yếu tố tự nhiên.

 **D.**  Các yếu tố ngẫu nhiên và giao phối ngẫu nhiên.

**Câu 2:** Cho các phát biểu sau

 I. Gai của cây xương rồng và tua cuốn ở cây đậu Hà Lan.

 II. Mang của loài cá và mang của các loài tôm.

 III. Tua cuốn bí ngô và gai hoa hồng.

 IV. Gai của cây hoa hồng và gai của cây xương rồng.

Có bao nhiêu phát biểu đúng về cơ quan tương đồng?

 **A.**  1. **B.**  3. **C.**  4. **D.**  2.

**Câu 3:** Cơ quan thoái hóa là cơ quan

 **A.**  biến mất hòan tòan.

 **B.**  thay đổi cấu tạo.

 **C.**  phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành.

 **D.**  thay đổi cấu tạo phù hợp chức năng.

**Câu 4:** Cho các phát biểu sau về quá trình hình thành loài, có bao nhiêu phát biểu đúng?

 I. Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.

 II. Theo lí thuyết, bằng phương pháp gây đột biến nhân tạo có thể tạo được loài mới.

 III. Lai xa và đa bội hoá có thể tạo được loài mới có bộ nhiễm sắc thể song nhị bội.

 IV. Quá trình hình thành loài có thể có sự tham gia của các yếu tố ngẫu nhiên.

 **A.**  3. **B.**  2. **C.**  4. **D.**  1.

**Câu 5:** Theo Đacuyn, cơ chế tiến hoá là sự tích luỹ các

 **A.**  đặc tính thu được trong đời sống cá thể dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên.

 **B.**  đặc tính thu được trong đời sống cá thể dưới tác dụng của ngoại cảnh.

 **C.**  biến dị có lợi, đào thải các biến dị có hại dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên.

 **D.**  đặc tính thu được trong đời sống cá thể dưới tác dụng của ngoại cảnh hay tập quán hoạt động.

**Câu 6:** Có bao nhiêu trường hợp sau đây là cách li trước hợp tử?

 I. Chó và mèo có cơ quan giao cấu khác nhau nên không thể giao phối được với nhau

 II. Cừu có thể giao phối với dê nhưng hợp tử bị chết ngay sau khi thụ tinh

 III. Lừa cái lai với ngựa đực sinh ra con lai bất thụ (bac-đô)

 IV. Trứng nhái khi thụ tinh với tinh trùng ếch sẽ tạo ra hợp tử không có khả năng phát triển.

 V. Các cây khác loài có mùa ra hoa khác nhau nên không thụ phấn cho nhau.

 **A.**  3. **B.**  4. **C.**  2. **D.**  1.

**Câu 7:** Nếu hai quần thể của cùng một loài sống trong cùng một khu vực địa lí nhưng ở hai ổ sinh thái khác nhau thì sau một thời gian cũng có thể dẫn đến cách li sinh sản và hình thành loài mới. Đây là con đường hình thành loài

 **A.**  khác khu vực địa lí. **B.**  bằng cách li sinh thái.

 **C.**  bằng cách li tập tính. **D.**  nhờ cơ chế lai xa và đa bội hoá.

**Câu 8:** Tồn tại chủ yếu trong học thuyết Đacuyn là chưa

 **A.**  giải thích thành công cơ chế hình thành các đặc điểm thích nghi ở sinh vật.

 **B.**  đi sâu vào các con đường hình thành loài mới.

 **C.**  làm rõ tổ chức của các loài sinh học.

 **D.**  hiểu rõ nguyên nhân phát sinh biến dị và cơ chế di truyền các biến dị.

**Câu 9:** Những trở ngại ngăn cản các sinh vật giao phối với nhau được gọi là cơ chế

 **A.**  Cách li trước hợp tử. **B.**  Cách li cơ học.

 **C.**  Cách li sinh cảnh. **D.**  Cách li tập tính.

**Câu 10:** Mức độ giống nhau về ADN giữa người và các loài thuộc bộ khỉ là

 **A.**  Tinh tinh →Vượn Gibon→ Khỉ Capuchin→Khỉ Rhesut→ Khỉ Vervet→ Galago.

 **B.**  Tinh tinh →Vượn Gibon→  Khỉ Vervet →Khỉ Rhesu→Khỉ Capuchin→ Galago.

 **C.**  Tinh tinh →Vượn Gibon→ Khỉ Rhesut→Khỉ Capuchin→Khỉ Vervet→ Galago.

 **D.**  Tinh tinh →Vượn Gibon→ Khỉ Rhesut→ Khỉ Vervet →Khỉ Capuchin→ Galago.

**Câu 11:** Những cơ quan nào sau đây là cơ quan tương đồng?

 **A.**  Chân đà điểu và cánh dơi. **B.**  Cánh đại bàng và chân trước của bò.

 **C.**  Chân chim cánh cụt và cánh gà. **D.**  Ngà voi và sừng hươu.

**Câu 12:** Ở ruồi, những con ruồi mantôzơ (chúng tiêu hóa mantôzơ) chúng thích giao phối những con ruồi mantôzơ hơn những con ruồi tinh bột (chúng tiêu hóa tinh bột). Đây là dạng cách li nào?

 **A.**  khác khu vực địa lí. **B.**  cùng khu vực địa lí.

 **C.**  Cách li mùa vụ. **D.**  Cách li cơ học.

**Câu 13:** Hình thành loài bằng lai xa và đa bội hoá thường xảy ra đối với

 **A.**  động vật. **B.**  thực vật. **C.**  động vật bậc cao. **D.**  động vật bậc thấp.

**Câu 14:** Sự phát triển của sinh giới lần lượt trải qua các đại địa chất nào?

 **A.**  Tân sinh ⭢ Trung sinh ⭢ Nguyên sinh ⭢Thái cổ ⭢ Cổ sinh.

 **B.**  Tân sinh ⭢ Trung sinh ⭢ Nguyên sinh⭢ Cổ sinh ⭢Thái cổ.

 **C.**  Tân sinh ⭢ Trung sinh ⭢ Cổ sinh ⭢Thái cổ ⭢ Nguyên sinh.

 **D.**  Tân sinh ⭢ Trung sinh ⭢ Cổ sinh ⭢ Nguyên sinh ⭢Thái cổ.

**Câu 15:** Tiêu chuẩn nào sau đây được sử dụng thông dụng để phân biệt hai loài vi khuẩn có quan hệ thân thuộc?

 **A.**  Tiêu chuẩn phân tử. **B.**  Tiêu chuẩn cách li sinh sản.

 **C.**  Tiêu chuẩn sinh hóa. **D.**  Tiêu chuẩn hình thái.

**Câu 16:** Ví dụ nào sao đây khôngđúng theo khái niệm loài của Ơnxt Mayơ?

 **A.**  Tập hợp con cá chẻm sống trong vuông tôm. **B.**  Tập hợp các con tôm sú trong vuông tôm.

 **C.**  Tập hợp các cây ổi trong vườn. **D.**  Tập hợp các cây chuối xiêm trong vườn.

**Câu 17:** Khi nói về quá trình hình thành loài khác khu vực địa lí, phát biểu nào sau đây đúng?

 **A.**  Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hoá.

 **B.**  Cách li địa lí ngăn cản các cá thể của các quần thể khác loài gặp gỡ và giao phối với nhau.

 **C.**  Cách li địa lí là nhân tố trực tiếp tạo ra các kiểu gen quy định các kiểu hình thích nghi.

 **D.**  Cách li địa lí phải nhất thiết dẫn đến cách li sinh sản.

**Câu 18:** Khi nói về đại Tân sinh, điều nào sau đây khôngđúng?

 **A.**  Được chia thành 2 kỉ, trong đó loài người xuất hiện vào kỉ đệ tứ.

 **B.**  Cây hạt kín, chim, thú và côn trùng phát triển mạnh ở đại này.

 **C.**  Phân hoá các lớp chim, thú, côn trùng.

 **D.**  Ở kỉ đệ tam, bò sát và cây hạt trần phát triển ưu thế.

**Câu 19:** Trong lịch sử phát triển của sinh giới trên Trái Đất, cây có mạch và động vật lên cạn ở

 **A.** kỉ Jura thuộc đại Trung sinh. B. kỉ Đệ tam thuộc đại Tân sinh.

 C. kỉ Cacbon thuộc đại cổ sinh. **D.** kỉ Silua thuộc đại cổ sinh.

**Câu 20:** Cơ quan có cùng nguồn gốc nhưng khác chức năng là

 **A.**  Đồng quy. **B.**  Thoái hóa. **C.**  Tương đồng. **D.**  Tương tự.

**Câu 21:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây không đúng về vai trò của đột biến đối với tiến hoá?

 I. Đột biến làm phát sinh các biến dị di truyền, cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho tiến hoá.

 II. Đột biến làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể rất nhanh .

 III. Đột biến NST thường gây chết cho thể đột biến nên không có ý nghĩa đối với tiến hoá.

 IV. Đột biến là nhân tố tiến hoá vì đột biến làm biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

 **A.**  4. **B.**  1. **C.**  3. **D.**  2.

**Câu 22:** Cho các phát biểu sau

 I. Theo quan điểm của Đacuyn đối tượng của chọn lọc tự nhiên là quần thể.

 II. Biến dị cá thể là những đặc điểm sai khác giữa các cá thể cùng loài phát sinh trong quá trình sinh sản.

 III. Đacuyn là người đầu tiên đưa ra khái niệm đột biến.

 IV. Vai trò lớn nhất của Đacuyn đối với việc nghiên cứu quá trình tiến hóa là phát hiện vai trò của chọn lọc tự nhiên.

 V. Từ cây mù tạc hoang dại qua chọn lọc nhân tạo con người đã tạo ra cây xu hào.

 VI. Động lực của CLTN theo Đacuyn là đấu tranh sinh tồn.

Có bao nhiêu phát biểu **sai** về quan điểm của Đacuyn?

 **A.**  4. **B.**  2. **C.**  3. **D.**  1.

**Câu 23:** Tiến hoá lớn là quá trình

 **A.**  biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể dẫn tới sự hình thành loài.

 **B.**  biến đổi kiểu hình của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.

 **C.**  hình thành các nhóm phân loại dưới loài.

 **D.**  hình thành các nhóm phân loại trên loài.

**Câu 24:** Có bao nhiêu nhân tố làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể?

 I. Đột biến. II. Di - nhập gen. III. Giao phối ngẫu nhiên.

 IV. Giao phối không ngẫu nhiên. V. Thường biến. VI. Các yếu tố ngẫu nhiên.

Phương án đúng là

 **A.**  1. **B.**  3. **C.**  4. **D.**  2.

**Câu 25:** Trong quá trình phát sinh sự sống trên Trái Đất, tiến hóa tiền sinh học là giai đoạn tiến hóa hình thành nên

 **A.**  các hợp chất hữu cơ đơn giản từ các chất vô cơ.

 **B.**  các tế bào sơ khai (protobiont) và sau đó hình thành nên những tế bào sống đầu tiên.

 **C.**  các đại phân tử hữu cơ như axit nuclêic và prôtêin.

 **D.** các loài sinh vật như ngày nay.

**Câu 26:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây không đúng về giao phối không ngẫu nhiên?

 I. Giao phối không ngẫu nhiên là nhân tố làm nghèo vốn gen của quần thể.

 II. Giao phối không ngẫu nhiên làm tăng dần tần số kiểu gen dị hợp trong quần thể.

 III. Giao phối không ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

 IV. Giao phối không ngẫu nhiên làm xuất hiện những alen mới trong quần thể.

 **A.**  3. **B.**  4. **C.**  2. **D.**  1.

**Câu 27:** Theo Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là

 **A.**  biến dị cá thể. **B.**  chọn lọc tự nhiên.

 **C.**  biến dị xác định. **D.**  chọn lọc nhân tạo.

**Câu 28:** Theo quan niệm hiện đại, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về chọn lọc tự nhiên?

 I. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố quy định chiều hướng tiến hoá.

 II. Chọn lọc tự nhiên không thể loại bỏ hoàn toàn một alen lặn có hại ra khỏi quần thể.

 III. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên từng alen, làm thay đổi tần số kiểu gen của quần thể.

 IV. Chọn lọc tự nhiên tạo ra các kiểu gen thích nghi trong quần thể.

 V. Alen đột biến có hại sẽ bị chọn lọc tự nhiên đào thải khỏi quần thể rất nhanh nếu đó là alen trội.

 **A.**  2. **B.**  3. **C.**  4. **D.**  1.

**Câu 29:** Số axit amin trên chuỗi hemôglôbin khác với người 3 axit amin là

 **A.**  vượn Gibbon. **B.**  gôrila. **C.**  khỉ Rhesut. **D.**  tinh tinh.

**Câu 30:** Trật tự các kỉ trong đại cổ sinh là

 **A.**  Camri ⭢ Ocđôvic ⭢ Silua ⭢ Cacbon ⭢ Đêvôn ⭢ Pemi.

 **B.**  Camri ⭢ Ocđôvic ⭢ Silua ⭢ Đêvôn ⭢ Cacbon ⭢ Pemi.

 **C.**  Camri ⭢ Ocđôvic ⭢ Silua ⭢ Cacbon ⭢ Pemi ⭢ Đêvôn.

 **D.**  Camri ⭢ Ocđôvic ⭢ Silua ⭢ Đêvôn ⭢ Pemi ⭢ Cacbon.

***---------------- Hết ---------------***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| D | A | C | C | C | C | B | D | A | D |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| B | A | B | D | C | D | A | D | D | C |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| D | B | D | B | B | A | D | B | A | B |